TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/DS-ST
Ngày 16 – 11 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 249/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109, Phường C, Quận H, TP. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hoàng T, sinh năm 1989 - Chuyên viên - Thuộc Phòng Khách hàng - Ngân hàng TMCP B - chi nhánh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Tuấn L. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Lê Hồng L1. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ,tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của anh Mai Hoàng T thể hiện:*

Vào ngày 16/5/2017 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N ký Hợp đồng số HDTD9302017143 và khế ước nhận nợ số: 9302017143/01 ngày 18/5/2017 với Ngân hàng để vay số tiền 200.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi tôm với thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất tiền vay: 13%/năm, lãi phạt quá hạn: 150% lãi suất trong hạn và hình thức trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc vào cuối kỳ.

Khi vay ông H, bà N đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số A151265 do UBND huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Văn H vào ngày 19/5/1990 để đảm bảo khoản nợ vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà N đã trả lãi được đến ngày 18/5/2018 được tổng số tiền 24.341.589 đồng, sau đó không thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng theo nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà N trả số tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/11/2018 là 17.854.079 đồng (tổng cộng là 217.854.079 đồng) và số tiền lãi theo hợp đồng phát sinh kể từ ngày 16/11/2018 cho đến khi ông H, bà N thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp, ông H, bà N không thanh toán hết nợ hoặc không thanh toán đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì yêu cầu ông H, bà N tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong khoản nợ.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N thể hiện*:

Ông H, bà N có vay Ngân hàng và còn thiếu lại số tiền như đại diện Ngân hàng trình bày, khi vay có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại ấp T, xã T1 để đảm bảo khoản vay. Ông H, bà N đồng ý trả tiền cho Ngân hàng nhưng do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên xin trả trước phần lãi.

** Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Tuấn L và chị Lê Hồng L1 thể hiện:* Do công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và thống nhất theo yêu cầu của ông H, bà N yêu cầu được giảm lãi suất.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 288, 463, 466, 468, 299 và 203 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng, buộc ông H, bà N trả cho Ngân hàng tiền vốn, lãi đến ngày 15/11/2018 là 217.854.079 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 16/11/2018 cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông H, bà N không thực hiện thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản; nếu tài sản thế chấp không đủ trả vốn, lãi thì Ngân hàng có quyền tiếp tục xử lý các tài sản khác để đảm bảo khoản vay.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho ông H, bà N do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Tuấn L và chị Lê Hồng L1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Vào ngày 16/5/2017, ông H và bà N ký Hợp đồng số HDTD9302017143 ngày 18/5/2017 để vay Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Cà Mau số tiền 200.000.000 đồng để bổ sung nguồn vốn nuôi tôm, thời hạn 12 tháng với lãi suất tiền vay là 13%/năm và lãi phạt quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Hình thức thanh toán là trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc vào cuối kỳ. Khi vay ông H, bà N đã lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6517-CM/HĐTC-LienVietPostBank thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số A151265 ngày 19/5/1990 do ông H đứng tên để đảm bảo khoản nợ vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà N không thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng theo nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày 15/11/2018 thì tổng số tiền vốn và lãi là 217.854.079 đồng (vốn: 200.000.000 đồng và lãi 17.854.079 đồng). Như vậy ông H, bà N đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng là không thực hiện trả vốn, lãi theo nội dung đã ký kết.

[3] Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà N trả số tiền vốn và lãi phát sinh đến ngày 15/11/2018 tổng số là 217.854.079 đồng và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng đối với số tiền vốn kể từ ngày 16/11/2018 cho đến khi trả xong khoản nợ là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà N xin trả trước khoản lãi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, thấy rằng:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6517-CM.HĐTC-Lien VietPostBank ngày 16/5/2017 thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số A151265 tại ấp T, xã T1 và các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do ông H, bà N đầu tư, tạo lập có trước và trong khi thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Tại biên bản xem xét tại chỗ ngày ngày 04/10/2018 thể hiện: Từ khi thế chấp tài sản cho đến nay thì không phát sinh thêm tài sản nào khác và tài sản thế chấp do ông H, bà N đang sử dụng cùng với anh nguyễn Tuấn L và chị Lê Hồng L1.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng, khi ông H, bà N không thanh toán hết nợ hoặc không thanh toán đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận đối với yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của Đại diện Ngân hàng yêu cầu ông H, bà N trả số tiền vốn, lãi, xử lý tài sản thế chấp và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay, đề nghị này có cơ sở được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H, bà N không phải chịu án phí thuộc trường hợp là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 299 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt.

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi đến ngày 15/11/2018 là 217.854.079 đồng (hai trăm mười bảy triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi chín đồng) (vốn: 200.000.000 đồng, lãi: 17.854.079 đồng).

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 15/11/2018, thì kể từ ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trong trường hợp ông H, bà N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất do ông H, bà N đang sử dụng cùng với anh Nguyễn Tuấn L và chị Lê Hồng L1 theo Giấy chứng nhận số A151265 tại ấp T, xã T1 theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông H, bà N tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn cho ông H và bà N.

- Ngân hàng không phải chịu. Hoàn trả lại cho TMCP B – Chi nhánh Cà Mau số tiền đã nộp tạm ứng là 5.155.000 đồng (năm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010245 ngày 10 /8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Càn